

CÔNG TY TNHH DANIEL GREENFIELD
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DANIEL GREENFIELD

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DANIEL GREENFIELD COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DANIEL GREENFIELD

2. Mã số doanh nghiệp: 3502480267

3. Ngày thành lập: 07/07/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

11 Thủ Khoa Huân, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0933956961

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ đấu giá)	4610
2.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
3.	Bán buôn thực phẩm	4632
4.	Bán buôn đồ uống	4633
5.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
6.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
8.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
9.	Trồng cây lấy sợi	0116
10.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
11.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
12.	Trồng cây hàng năm khác	0119
13.	Trồng cây ăn quả	0121
14.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
15.	Trồng cây điều	0123
16.	Trồng cây hồ tiêu	0124
17.	Trồng cây cà phê	0126
18.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
19.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
20.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
21.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
22.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559(Chính)

23.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
24.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
25.	Bán buôn tổng hợp	4690
26.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
27.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
28.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
29.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
30.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
31.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
32.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
33.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
34.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
35.	Sản xuất cà phê	1077
36.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
37.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
38.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
39.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
40.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
41.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
43.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
44.	Cơ sở lưu trú khác	5590
45.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
46.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
47.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
48.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
49.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
50.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
51.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
52.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
53.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

54.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
55.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
56.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
57.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
58.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
59.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
60.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
61.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
62.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 500.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ NGỌC OANH	Việt Nam	15 Đường TTN09, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	150.000.000	30,000	048186000024	
2	NGUYỄN ĐẮC CƯỜNG	Việt Nam	253/2 Nguyễn Công Hoan, Phường Hoà An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	200.000.000	40,000	048089006303	
3	NGUYỄN THỊ NGỌC VY	Việt Nam	572/10 Ông Ích Khiêm, Phường Hải Châu II, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	150.000.000	30,000	048093009660	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ĐẮC CƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/07/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 048089006303

Ngày cấp: 09/01/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật
Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: 253/2 Nguyễn Công Hoan, Phường Hoà An, Quận Cẩm Lệ, Thành
phố Đà Nẵng, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 11 Thủ Khoa Huân, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa -
Vũng Tàu, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu